

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2021/DS-ST

Ngày 07/4/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
nghĩa vụ trả nợ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Nguyên;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 6, phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thái K, sinh năm 1980, địa chỉ: Tổ 2, phường AT, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Thái K1, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 15, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Chị Nguyễn Thị Thái K2, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 8, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Anh Trần Văn T, sinh năm 1976 ; địa chỉ: Tổ 6, phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 2, phường AT, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Bùi Anh V, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 9, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Do là chỗ quen biết nên vào ngày 10/7/2016 âm lịch tôi có cho chị Nguyễn Thị Thái K vay 322.200.000đ, chị K đã trả cho tôi một lần vào ngày 30/11/2016 âm lịch 45.000.000đ, từ tháng 6 năm 2017 đến năm 2019 chị K T qua chị K2 trả dần cho tôi mỗi tháng từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ với số tiền đã trả là 67.000.000đ. Do vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị K phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 210.200.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh là chồng của chị Nguyễn Thị H, anh cũng thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn chị Nguyễn Thị Thái K trình bày:

Tôi là chị ruột của Nguyễn Thị Thái K1, giữa tôi và chị H cũng là chỗ quen biết lâu năm, từ trước năm 2016 chị em tôi đã nhiều lần chơi huê với chị H. Chị H biết tôi có uy tín nên chị H yêu cầu tôi phải đứng ra bảo lãnh cho khoản nợ của em tôi là Nguyễn Thị Thái K1 với chị H. Vào tháng 7 năm 2016 âm lịch, K1 nợ nhiều người, không có khả năng trả bị xã hội đen đến đe dọa phải bỏ trốn đi khỏi địa phương. Thời điểm này tôi không biết K1 đã vay của chị H bao nhiêu tiền, nhưng chị H nhiều lần đến yêu cầu K1 phải trả nợ nên vào ngày 10/7/2016 âm lịch tôi đã đến nh chị H và theo yêu cầu của chị H tôi phải ghi vào sổ của chị H có nội dung “K mượn chị Đ 3222 (ba trăm hai mươi hai triệu hai trăm)”. Tôi chơi huê với chị H nên vào ngày 30/11/2016 chị H cán trừ luôn số tiền 45.000.000đ mà chị H phải giao cho tôi để trả khoản tiền nợ của K1 đồng thời tôi ghi vào sổ của chị H nội dung “ngày 30/11/2016 K trả chị Đ 45.000.000đ”.

Từ năm 2017 trở đi khi K1 làm ăn có thu nhập thì hằng tháng K1 gửi tiền về cho chị Nguyễn Thị Thái K2 để đưa cho chị H trả dần số nợ của K1, tổng cộng số tiền K1 đã gửi trả dần cho chị H là 67.000.000đ. Như vậy thực tế tôi không có vay và cũng không có nợ tiền chị H như trong đơn khởi kiện của chị H.

Theo yêu cầu của chị H tôi phải ghi giấy nợ là tôi vay của chị H chứ thực tế tôi không có vay. Khi viết giấy thì tôi cũng chỉ viết số tiền theo yêu cầu của chị H chứ thực tế tôi không biết K1 còn nợ chị H bao nhiêu tiền. Hiện nay K1 nói rằng số tiền nợ mà tôi đã ghi không đúng với số nợ thực tế mà K1 đã nợ. Đồng thời từ năm 2017 đến năm 2019 K1 cũng gửi tiền về để trả cho chị H nên số tiền mà chị H yêu cầu phải trả là 210.200.000đ là không đúng. Do vậy tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H vì tôi không có vay và không có nợ tiền chị H.

Vì chị H kiện tôi đòi nợ nên vào ngày 02/8/2020 vợ chồng tôi cùng với chị K2 có đến gặp vợ chồng chị H anh T để nói chuyện và tôi đã ghi âm lại. Theo nội dung ghi âm chị H và anh T cũng đã nhiều lần nói chuyện thể hiện nội dung đây là khoản vay của K1 chứ không phải của tôi. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử cho nghe lại băng ghi âm để xác định đúng người đã vay khi xem xét giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn chị Nguyễn Thị Thái K1 trình bày: Tôi là em của chị

Nguyễn Thị Thái K, từ năm 2015 tôi có chơi huê với vợ chồng chị Nguyễn Thị H (tên gọi khác là chị Đ) và anh Trần Văn T. Tính đến tháng 7 năm 2016 âm lịch thì tổng cộng số tiền tôi còn nợ chị H là 215.000.000đ. Do tôi làm ăn thua lỗ bị nhiều người đến đòi nợ nên tôi bỏ đi nơi khác làm ăn. Chị H đã đến nh tôi đòi nợ nhiều lần nên chị gái tôi là Nguyễn Thị Thái K đã đứng ra viết giấy mượn tiền cho chị H. Việc chị K viết giấy mượn tiền cho chị H vào thời điểm nào, viết nợ bao nhiêu tiền thì tôi không biết. Sau khi tôi đã làm việc và có thu nhập ổn định thì tôi có điện thoại cho chị H và hứa sẽ trả dần số tiền tôi còn nợ, từ tháng 6/2017 cho đến tháng 10/2019 hằng tháng tôi gửi tiền về cho chị gái tôi là Nguyễn Thị Thái K2 để trả cho chị H, mỗi tháng trả từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ. Tính từ tháng 6/2017 đến tháng 10/2019 tôi đã trả cho chị H 67.000.000đ. Tôi được biết chị K khi hót huê của chị H cũng đã căn trừ vào số nợ của tôi là 45.000.000đ. Như vậy số tiền mà tôi còn nợ chị H là $215.000.000đ - (67.000.000đ + 45.000.000đ) = 103.000.000đ$. Chị H kiện chị K để đòi nợ là không đúng người vay vì tôi mới là người vay, tôi mới là người có trách nhiệm trả nợ cho chị H chứ không phải chị K.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thái K2 trình bày: Tôi là chị ruột của chị Nguyễn Thị Thái K và Nguyễn Thị Thái K1. Do Nguyễn Thị Thái K1 là em gái tôi có nợ tiền chị H (tên gọi khác là chị Đ), tôi ở gần nh chị H nên hằng tháng K1 chuyển tiền về cho tôi để tôi trả cho chị H. Tôi đã trả cho chị H tổng cộng 67.000.000đ, khi K viết giấy nợ cho chị H thì chỉ viết chứ không biết cụ thể K1 còn nợ bao nhiêu tiền. Hiện nay K1 đã xác định số tiền nợ còn lại là 103.000.000đ và số nợ này là của Nguyễn Thị Thái K1 chứ không phải của Nguyễn Thị Thái K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Atham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thái K phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền còn nợ là 210.200.000đ. Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thái K, địa chỉ: Tổ 2, phường AT, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Chị K cho rằng chị K1 mới là người có nghĩa vụ trả nợ cho chị H chứ không phải chị K. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Theo giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp thì các bên xác lập giao dịch ngày 10/7/2016 âm lịch, tức ngày 12/8/2016, giao dịch đang được thực hiện,

có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự thì pháp luật về nội dung được áp dụng để giải quyết là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về xác định người vay tiền: Vợ chồng chị H và anh T cho rằng vào ngày 10/7/2016 âm lịch tức là ngày 12/8/2016 vợ chồng chị có cho chị K vay 322.200.000đ và chị K viết giấy có nội dung vay tiền chị đã giao nộp cho Tòa án. Chị K không thừa nhận mà cho rằng đây là khoản tiền vay của chị K1, chị K chỉ viết giấy theo yêu cầu của chị H để bảo lãnh cho chị K1 còn chị K1 mới là người vay và trả nợ. Chị K cung cấp ghi âm nội dung trao đổi giữa chị H, anh T, chị K2, anh B và chị K vào ngày 02/8/2020 tại nH chị H để làm căn cứ xác định số tiền chị K viết giấy vay là số tiền vay của chị K1.

Tòa án đã cho nghe và ghi lại bằng văn bản nội dung ghi âm, chị H và anh T đều thừa nhận nội dung ghi âm đã ghi lại nội dung trao đổi giữa chị H, anh T, chị K2, anh B và chị K vào ngày 02/8/2020 tại nH chị H, nội dung trao đổi là về số tiền chị K đã viết giấy nợ mà chị H khởi kiện và nội dung ghi âm không bị cắt, ghép.

Căn cứ vào nội dung ghi âm mà chị K cung cấp đã được ghi lại tHnh văn bản và được thẩm tra công khai tại phiên tòa thì thấy rằng có căn cứ xác định số tiền vay mà nguyên đơn cho rằng chị K vay thực chất là của chị K1 đã vay của chị H và số tiền vay ghi trong giấy là tổng số tiền chị K1 còn nợ tính đến ngày 10/7/2016 âm lịch. Cụ thể:

* *Thứ nhất*, các đoạn ghi âm thể hiện nội dung chị K1 mới là người vay tiền của chị H và anh T còn chị K đứng ra nhận nợ thay cho chị K1.

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 22.43 đến phút 23.30 (trang 11 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 62):

“K (22.43 – 22.49) Không có, không có con K1, không có con K1 em mới nói anh T.

T (22.49 – 2.50) Có anh, có anh ở đây để anh nói cho em nghe đằng quãng.

K (22.50 – 22.54) Lúc em dẫn nó lên 80 triệu là có con K1.

T (22.54 – 23.16) Để anh nói cho em nghe, đừng có cãi ở chỗ đây thì nó rườm rà, nó không đúng với sự thật, ghen khi nó làm ăn mà số tiền nó nhiều rồi í là tao ngưng tao không có đưa nữa, mày muốn gì á là có con K đằng quãng nó đứng ra, rồi hai chị em lên ngồi đây là tổng số tiền bữa nay là con K nó đứng ra ghi ba trăm mấy chục triệu đấy, nhan, em ghi ba trăm mấy chục triệu đấy, còn em có nói một câu nói như đây, đây nè số tiền

K (23.15) Nhảm rồi

T (23.16 – 23.30) số tiền đấy, số tiền ba trăm mấy chục triệu đấy là nhiều rồi nhan là bữa nay là anh không có đưa nữa là con K nó đứng ra nó chịu em là hồng ai đưa đâu á tổng số tiền đấy bao nhiêu đấy rồi e nói bi giờ í nếu nó hồng trả nợ thì em bán đất em trả, anh nói ừ mày làm sao mày làm”.

Theo nội dung nêu trên thì anh T đã nói khi K1 vay nợ với số tiền lên đến hơn ba trăm triệu nhưng chưa trả được nên anh T đã không cho vay nữa và bởi vì có chị K đứng ra bảo lãnh nên anh T mới cho chị K1 vay số tiền nhiều như vậy.

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 32.35 đến phút 32.58 (trang 15 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 60):

“K (32.35 – 32.52) Em nghĩ đơn giản đây nè, em ghi để con K1 nó yên ổn nó về nó làm ăn nó trả nợ thôi, chứ em không nghĩ ghi mà nó rắc rối đây đâu, nếu mà em nghĩ nó rắc rối đây em hồng có ghi đâu, em nghĩ nó rắc rối đây em hồng có ghi cho nó để về nó tính sao nó tính.

H (32.52-32.58) Tao cũng chưa điên đâu, nếu mà mày hồng có mắc gì tao phải đưa cho nó, nó là một con thâm nợ hồng có nH hồng có cửa, một tay hai đứa con, tao khùng hé.”

Theo nội dung nêu trên thì chị K nói chị K chỉ ghi để chị K1 yên ổn làm ăn còn chị H nói rằng nếu không có chị K thì chị H không đưa tiền cho chị K1 vì chị K1 là người thâm nợ, không nH cửa, phải nuôi một lúc hai con.

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 44.54 đến phút 45.08 (trang 20 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 58):

K (44.54) bữa đấy là tui đứng khùng nè, tui lên mà chị còn xuống nH con Ngọc bạn tui chị nó nè con K1 nó mượn mà con K tao thấy nó khóc mà mặt mày nó thiet là tội luôn á mà nó phải ghi cho em nó, bởi vì nó đứng ra nó mượn mà.

H (45.08) Chớ sao nữa, giờ mày đứng ra mày hứng thì mày phải chịu chớ sao mày nói sao cái gì lạ”

Theo nội dung trên thì chị H nói rằng chị K nhận nợ cho chị K1 thì chị K phải chịu.

* Thứ hai, các đoạn ghi âm thể hiện nội dung chị K viết giấy là người vay tiền đối với khoản vay của chị K1.

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 20 đến phút 20.33 (trang 9 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 63):

“T (20) Tao nói với con K đây nè.

H (20 -20.6) Nói sao mà trước khi mày đặt cây bút mày viết giết người mày cũng viết na.

T (20.8 -20.15) Quan trọng là cái ba trăm mấy chục triệu í, con K viết đô ba trăm mấy chục triệu.

K2 (20.15 – 20.17) nhưng mà con K viết tổng nhưng mà nó đâu biết con K1 lụm những gì những gì.

H (20.17) Sao hồng biết con K với con K1 nó tính chớ,

T (20.17) hai đứa rõ ràng mà sao hồng biết

H (20.18) mày nói một câu nhan là em không trả được em bán đất em trả.

H (20.21) mày nói một câu nhan là em không trả được em bán đất em trả.

K (20.24) không con K1 bữa nó trốn nó đi

T (20.26) em đừng có nói tầm bậy

K (20.29 – 20.36) Quả, không có con K1, chị cứ cãi gì đây,

H (20.30 – 20.32) Mày dư con K1 ...(không nghe rõ)

K (20.32 -20.33) chị mới tào lao á.

H (20.33) mày nghĩ sao tào lao đây, mày còn hứa với tao là mày bán đất mày trả”.

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 39.55 đến phút 40.24 (trang 18 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 59):

“T (39.55 – 40.13) Giờ số tiền đầy trả làm sao, rồi một tháng tụi bay trả bao nhiêu đầy, chớ thật ra là nó cũng rõ ràng quá mà, chớ đâu có gì ấy đâu, còn nói tổng cộng số tiền không đúng là nói tầm bậy, hai đứa tính rồi ghi nhiêu nhiêu đầy mà

K2 (40.13 – 40.23) Hôm đó con K1 đi Kon Tum rồi, có một mình nó lên ghi hè.

H (40.23 – 40.24) Con K1 với thằng con ông MT với con K, ba đứa đi cùng một lượt ghi từ cái lúc mừng 10 tháng 7”

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 40.48 đến phút 41.27 (trang 18 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 59):

H (40.48 – 41.27) Từ cái đoạn mà con K lên nói cho trả một tháng 4 triệu rưỡi í là một mình con K lên viết, rồi cái đoạn kia í là ba đứa cùng lên tính luôn rồi thằng N con MT nợ con K1, rồi nói chung là lòng dòng tao hông biết chuyện của tụi nó nhưng mà giờ chốt lại là cái số tiền đầy là con K con K1 nó ghi là tao nói hông, con K nó tính ra mà nó biểu tao nhầm, chu, nhầm, dầy nhầm thôi tụi bay về cha nó chớ tụi bay có nợ tao đâu mà nhầm.

Theo nội dung nêu trên thì chị K cho rằng khi chị K viết giấy vay tiền thì chỉ một mình chị K tự viết giấy và không biết cụ thể số tiền vay thực chất của K1 vay là bao nhiêu, còn chị H và anh T cho rằng chị K và chị K1 và cả anh Ngọc cùng đến và chị K, chị K1 đã tính toán cụ thể số tiền còn nợ sau đó chị K mới viết giấy.

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 24.13 đến phút 24.30 (trang 12 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 62):

“T (24.13 – 24.30) Hử có kí con K, K1 hai đứa đang quàng chớ sao nói một đứa mày ghi, bây giờ anh nói đơn giản với em í, chồng em nợ đi, em không biết nợ bao nhiêu, em không cần biết bị nhiêu, anh biểu em ghi 500 triệu em có ghi hông. Phải có mặt chồng mới ghi chớ sao cứ nói lạ kỳ dầy, nói dầy là nó hông có đúng, nó nói dầy là bị sai. Chẳng bây giờ anh nói em(nghe không rõ) ...em nói dầy là em sai hoàn toàn, nó phải thực tế đang quàng chớ

Theo nội dung nêu trên thì chị K cho rằng không biết K1 nợ bao nhiêu nhưng vẫn ghi giấy vay tiền theo yêu cầu của chị H nhưng anh T cho rằng chị K viết giấy là có chị K1 và chị K phải biết rằng chị K1 nợ bao nhiêu tiền thì mới viết giấy và ví dụ cũng như việc nếu chồng chị K nợ thì chị K phải biết là nợ bao nhiêu mới viết giấy chứ không thể tự viết số nợ theo yêu cầu của người vay.

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 26.47 đến phút 27.05 (trang 13 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 61):

“K (26.47) em hông biết con K1 nó nợ chị đọc em ghi

H (26.48 – 27.07) cái lúc đấy là con K1 làm số với cái thằng N con ông MT, rồi bắt đầu con K mới dẫn con K1 với thằng N lên bắt đầu tính số, cộng lại

T (26.54 – 27.05) đúng rồi nó muốn hông trả nó mới nói bậy, nói tào lao dầy, tự nhiên con ... chẳng lẽ con đây biết chữ, con đây hông biết chữ, con đây nói hông nợ con, con đây ghi”

Theo nội dung nêu trên thì chị K cho rằng chị K chỉ ghi giấy vay tiền mà không biết tổng số nợ là bao nhiêu, chị H cho rằng khi ghi giấy nợ có chị K1 với anh Ngọc tính toán, anh T cũng ví dụ rằng không lẽ một người không biết chữ nói không nợ mà chị K vẫn ghi.

* Thứ ba, các đoạn ghi âm thể hiện nội dung sau khi chị K1 bỏ đi chị K thực hiện việc trả nợ cho chị K1.

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 21 đến phút 21.16 (trang 10 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 63):

“K (21 – 21.08) Nhưng mà chị nhầm á, không có con K1, con K1 nó trốn đi Kon Tum mà.

H (21.08) Kon Tum gì.

T (21.08) Xong(nghe không rõ) ... là con K1 nó đi mất.

K2 (21.09) thằng T nói đúng nè

T (21.10) Nhưng mà anh nói rõ ràng, nó đi mất rồi tao mới xuống nH mấy tao gặp hai vợ chồng mày, bây giờ cái số nợ

H (21.16) Con K còn hứa đứng ra ghi trả một tháng ba bốn triệu rưỡi nữa kia”

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 24.06 đến phút 25 (trang 12 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 62):

H (24.06 – 25.00) hai vợ chồng chị đứng hông ..nói là im ru hết hông có nói chuyện nữa, đây ... ngày 30/11 đây em ký tên em gánh mà giờ sao em hông đưa chị, nó nói chị Đ ơi giờ nó lỡ mất rồi thôi(nghe không rõ) ... r rồi chưa, rồi tiếp đó là im ru, rồi năm 2017 đây rồi tao gọi lên là tao(nghe không rõ) ... là bắt đầu là trả nè 3 triệu, 3 triệu, 2 triệu là ... đây là tao ghi á nhan chớ nếu mà tao hông ghi thì tao nói cái số tiền đây mày trả cho tao á nhan, đây là tao còn nhân từ, trả nhiều là tao ghi dô á”

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 25.18 đến phút 26 (trang 12 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 62):

“H (25.18 – 25.37) rồi đây nó(nghe không rõ) ... nó đứng ra nó gánh bi nhiêu đây đứng hông, rầu, im ru hết, rồi mấy cái đoạn đây tao nắm ra tao nói, giờ sao tiền của chị sao em đứng ra em gánh mà em hông có chịu trả, nó mới nói là thôi em hông có chị cho em một tháng em trả bốn triệu rưỡi, rồi đây có hông B, có hông,

T (25.38) Có thằng B rõ ràng luôn nè

H (25.38 – 26) hông thằng B là hông biết chuyện gì hết. Mấy tháng sau là con K xuống nói là tiền đó là em hông có lấy là em hông có trả, tao quậy lên đứng hông, rồi thằng B nói coi bây giờ con K2 với mày dàn xếp trả cho nó một tháng 3 triệu, được chưa, tao nói rõ ràng chưa, rồi đây rồi trả 2 triệu, 3 triệu được 2 tháng rồi để miết tới bây giờ”

- Nội dung ghi âm tại phút thứ 29.38 đến phút 30.59 (trang 14 của biên bản ghi lại nội dung ghi âm, bút lục 61):

“H (29.38 – 30.59) Cái lúc đầu nhan, để từ từ, trốn nợ là cái lúc mà con K lên ghi trả một tháng bốn triệu rưỡi, là cái lúc con K1 nó đi, còn lúc ban đầu là nó bán cho nH MT kia nè, thằng N là biểu nó hót quê đồ này kia là thằng N với nó sao đây nôm na hông biết, chừng sau này là tao mới điện cho con K2 lên là con K với thằng N với con K1 ba đứa cộng trừ nhân chia tính số rồi trừ qua trừ lại rồi chốt lại còn bi nhiêu đây, là con K ghi dô. Rồi im ru không nói chuyện là tao mới tới ngày tới tháng 11 là tao mới nói tiền của chị ghi rồi mà sao im ru tới giờ mày

hồng nói chuyện, là nó mới nói là thôi giờ nói chị Đ đây, cho em trả tháng bốn triệu rưỡi, em cũng hồng biết nó làm ăn sao mà đây kia, thì tao cũng chịu, rồi một tháng bốn triệu rưỡi đâu im ru không nói không năn gì hết. Tiếp tới là tới là tao xuống là tới đây tháng 5 tháng 6 năm 2017 tao xuống nó là í sao, là con K nó như đây như kia là con K nó la lên ... nói chung là tao dư con K kinh lộn. Rồi thằng B nó đứng ra nó kiu trâu bây giờ tụi bay làm sao chớ nợ giờ tao phải trả, lên nói với bà K2 đồ là trả cho nó một tháng mấy triệu....”

Theo nội dung nêu trên thì chị H kể lại ban đầu chị K, chị K1, anh Ngọc đến nh chị tính toán số nợ của chị K1 sau đó chị K ghi giấy vay tiền vào ngày 10/7/2016 âm lịch, sau đó chị K1 bỏ trốn, đến tháng 11/2016 chị H gặp chị K nói rằng chị K đã gánh nợ cho chị K1 mà sao không chịu trả thì chị K có nói rằng cho chị K trả mỗi tháng 4.500.000đ, nhưng sau đó vẫn không trả. Đến khoảng tháng 5 hay tháng 6 năm 2017 chị H tiếp tục gặp chị K để yêu cầu trả thì giữa anh B, chị K, chị K2 trao đổi và sau đó hằng tháng trả dần từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ.

Như vậy từ những nội dung ghi âm nêu trên có cơ sở xác định thực tế chị Nguyễn Thị Thái K1 mới là người vay tiền của chị H chứ không phải chị Nguyễn Thị Thái K. Chị K chỉ viết giấy đối với khoản tiền chị K1 còn nợ chị H. Theo giấy mượn tiền thì xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi.

[4] Về số tiền chị K1 còn nợ chị H: Chị K cho rằng chị không biết rõ số tiền chị K1 còn nợ là bao nhiêu, chị chỉ ghi giấy theo yêu cầu của chị H là 322.200.000đ. Chị K1 cho rằng tổng số tiền chị K1 còn nợ chị H tính đến ngày 10/7/2016 âm lịch tức ngày 12/8/2016 (thời điểm chị K viết giấy mượn tiền chị H) là 103.000.000đ. Lời trình bày của chị K và chị K1 không được chị H thừa nhận, chị K và chị K1 cũng không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do vậy cần xác định tính đến ngày ngày 10/7/2016 âm lịch tức ngày 12/8/2016 chị K1 còn nợ chị H 322.200.000đ, các đương sự đều thống nhất đã trả 112.000.000đ nên còn nợ lại 210.200.000đ.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Tại phiên tòa chị K trình bày chị viết giấy cho chị H là để dùng uy tín của mình bảo lãnh cho chị K1 còn việc trả nợ là chị K1 trả chứ chị không phải thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ của chị K1. Tuy nhiên khi viết giấy cho chị H thì chị K không ghi việc mình bảo lãnh cho chị K1 mà ghi cụ thể là K mượn tiền của chị H. Theo quy định tại Điều 362 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (luật có hiệu lực tại thời điểm viết giấy) thì việc bảo lãnh phải được lập tHnh văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng. Do vậy việc chị K cho rằng mình chỉ có nghĩa vụ bảo lãnh cho chị K1 là không phù hợp theo quy định tại Điều 361 và Điều 362 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với khoản nợ của chị K1, chị K đã viết giấy cho chị H có nội dung “K mượn chị Đ 3222 (ba trăm hai mươi hai triệu hai trăm)” vào ngày 10/7/2016 âm lịch. Sau đó đến ngày 30/11/2016 âm lịch chị K trả tiền và viết “ngày 30/11/2016 K trả chị Đ 45.000.000đ”. Từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019 chị H ghi vào giấy nợ số tiền đã trả hằng tháng đối với khoản nợ chị K đã ghi. Chị K1 và chị K2 cho rằng hằng tháng chị K1 gửi tiền về cho chị K2 để trả cho chị H và cung cấp sao kê tài khoản tiền gửi của chị K2 tại Ngân Hng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trong các giao dịch có thể hiện chị K1 chuyển tiền cho chị K2. Tuy nhiên trong nội dung sao kê tài khoản thì ngày, tháng chị K1 chuyển tiền

không trùng khớp với thời gian trả nợ cho chị H và nội dung giao dịch cũng không thể hiện được số tiền chị K1 chuyển cho chị K2 là để chị K2 trả cho chị H. Do vậy cần xác định sau khi chị K viết giấy nhận nợ khoản tiền nợ của chị K1 đối với chị H thì chị K tiếp tục trả đối với khoản tiền nợ đã viết với tổng số tiền đã trả là 112.000.000đ. Việc viết giấy nhận nợ và thực hiện việc trả nợ của chị K theo quy định tại Điều 315 Bộ luật Dân sự 2005 (luật có hiệu lực tại thời điểm viết giấy, tương ứng với Điều 370 của Bộ luật Dân sự 2015) về chuyển giao nghĩa vụ dân sự thì chị K là người thế nghĩa vụ cho chị K1 đối với khoản tiền vay của chị K1 với chị H. Do vậy chị K trở tHnh bên có nghĩa vụ đối với chị H nên chị K phải trả cho chị H số tiền còn nợ là 210.200.000đ.

[6] Về thời hạn trả: Tại phiên tòa chị K đồng ý trả cho chị H số tiền còn nợ 210.200.000đ nhưng xin được kéo dài thời gian trả nợ trong 24 tháng. Yêu cầu của chị K không được chị H chấp nhận, do vậy chị K phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thái K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là $210.200.000đ \times 5\% = 10.510.000đ$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469 và Điều 370 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thái K phải trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H số tiền còn nợ từ hợp đồng vay mà chị K đã nhận thế nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị Thái K1 là 210.200.000đ (*Hai trăm mười triệu, hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án cho đến khi thi Hnh án xong, bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thái K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 10.510.000đ (*Mười triệu, năm trăm mười nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.505.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004473 ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi Hnh án dân sự thị xã A.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 07/4/2021.

Trường hợp bản án này được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Đình Nguyên

Nguyễn Thị Thanh Bình

Bùi Thị Bích Thảo